

Số: 27 /BC-KT&BDCLGD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO

**về kết quả khảo sát ý kiến đánh giá khóa học của sinh viên đại học khóa 02
và cao đẳng khóa 08 trước khi tốt nghiệp**

Kính gửi: Ban Giám hiệu
Trưởng các đơn vị trực thuộc trường

Thực hiện Kế hoạch số 100/KH-TĐHTPHCM ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về đảm bảo chất lượng năm 2017;

Căn cứ phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp về việc đánh giá khóa học, Phòng Khảo thí & BDCLGD xin được báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến như sau:

I. Mục đích khảo sát

Thăm dò ý kiến đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp nhằm mục tiêu đào tạo sinh viên tốt nghiệp ra trường có đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của thị trường lao động.

II. Quá trình thực hiện

1. Đối tượng và phạm vi khảo sát

- Đối tượng: khảo sát sinh viên đại học khóa 02 và cao đẳng 08 trước khi tốt nghiệp
- Phạm vi khảo sát: sinh viên đánh giá chất lượng đào tạo và các tiêu chí quan trọng giúp sinh viên ra trường tìm được việc làm.

2. Phương pháp

Phòng Khảo thí và BDCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi bằng cách sử dụng Phiếu khảo sát trực tuyến được đăng trên fanpage và website của Phòng Khảo thí & BDCLGD, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh:

<https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSeWPxg8QTZtdj332RD3rbZlcl5ir-RdTEy7lx1u3eRcVr-iKw/viewform>

Phòng Khảo thí và BDCLGD ra thông báo về việc thực hiện Phiếu đánh giá khóa học kèm theo thông báo nộp chứng chỉ Tiếng Anh và Tin học để xét tốt nghiệp.

3. Thời gian khảo sát: từ 23/02/2017 - 20/08/2017

III. Thống kê kết quả

1. Cách thống kê kết quả

Phiếu khảo sát gồm 45 câu hỏi, bao gồm 05 nội dung: (1) Chất lượng của ngành/chuyên ngành đào tạo; (2) Hoạt động dạy học – nghiên cứu khoa học; (3) Nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ; (4) Đánh giá chung về kết quả đào tạo; (5) Ý kiến về các tiêu chí quan trọng nhất giúp sinh viên ra trường tìm được việc làm.

- Mỗi câu hỏi có 4 mức đánh giá, được ký hiệu các số tương ứng từ 1 – 4:

1. Không đồng ý (kém)
2. Phân vân (bình thường)
3. Đồng ý (tốt)
4. Hoàn toàn đồng ý (rất tốt)

2. Cách xử lý kết quả

Dữ liệu khảo sát sẽ được nhập và xử lý số liệu bằng Google Drive và Excel. Do chương trình thực hiện lấy ý kiến là khảo sát trực tuyến, nên toàn bộ dữ liệu thu về đều phục vụ cho việc đánh giá và không có dữ liệu bị lỗi.

3. Kết quả khảo sát

a. Tỷ lệ phần trăm (%) các ý kiến khảo sát từng khoa sẽ được trình bày trong Phần phụ lục của Báo cáo này.

Phụ lục 1: Khoa Địa chất

Phụ lục 2: Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục 3: Khoa Hệ thống thông tin và Viễn thám

Phụ lục 4: Khoa Môi trường

Phụ lục 5: Khoa Khí tượng Thủy văn

Phụ lục 6: Khoa Trắc địa bản đồ

Phụ lục 7: Khoa Quản lý đất đai

b. Tỷ lệ phần trăm (%) các ý kiến khảo sát chung toàn trường (bao gồm 1.192 sinh viên tham gia khảo sát) như sau:

I. Chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo		1	2	3	4
1.	Ngành học có mục tiêu đào tạo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu xã hội	1,3	7,8	76,5	14,5
2.	Nội dung CTĐT phù hợp với mục tiêu đào tạo	2,3	8,6	76,7	12,5
3.	Nội dung CTĐT luôn được cập nhật, đổi mới	4,1	16,2	68,9	10,8
4.	Số lượng các môn học trong chương trình phù hợp	7,3	15,2	66,5	11,1
5.	Các môn học trong chương trình được tổ chức một cách có hệ thống	6,7	14,9	66,8	11,6
6.	Tỉ lệ phân bổ khối lượng kiến thức giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	12,5	16,4	60,4	10,6
7.	Chương trình có nhiều môn học tự chọn đáp ứng nhu cầu của người học.	20,0	19,2	52,1	8,7
8.	Chuẩn đầu ra nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được	2,6	10,1	74,4	12,9
9.	Các môn học tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra	3,1	11,2	74,3	11,4
10.	CTĐT đảm bảo đủ năng lực liên thông lên chương trình sau đại học	2,4	14,2	70,4	13,0
Trung bình		6,2	13,4	68,7	11,7

II. Hoạt động dạy học – nghiên cứu khoa học		1	2	3	4
11.	Hầu hết giảng viên (GV) đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	1,2	4,5	73,3	21,0
12.	Hầu hết GV có kiến thức chuyên môn tốt, cập nhật liên tục về nội dung giảng dạy	1,9	6,0	72,2	19,8
13.	Hầu hết GV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu	5,7	15,3	66,3	12,7
14.	Hầu hết GV giảng dạy có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn	3,5	10,1	71,5	14,9
15.	Hầu hết GV luôn cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, phù hợp.	3,6	13,2	69,8	13,4
16.	Trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập đầy đủ, hiện đại.	18,6	21,1	52,6	7,7
17.	Nội dung kiểm tra, đánh giá sát với chương trình đào tạo	2,9	10,0	74,4	12,7
18.	Phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực, theo quá trình và theo tính chất đặc thù của môn học.	2,4	9,4	76,5	11,6
19.	Hầu hết GV luôn động viên, thúc đẩy, tạo điều kiện để SV học tập, nghiên cứu và rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết.	3,1	8,3	72,8	15,9
20.	Hoạt động giảng dạy luôn gắn với định hướng nghề nghiệp.	2,9	8,3	73,9	14,8
<i>Trung bình</i>		<i>4,6</i>	<i>10,6</i>	<i>70,3</i>	<i>14,5</i>
III. Nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ		1	2	3	4
21.	Giáo trình, tài liệu được cung cấp với nội dung chính xác và cập nhật.	3,4	10,2	74,4	12,0
22.	SV dễ dàng tiếp cận với các tài liệu tham khảo, trang web do GV giới thiệu	4,1	9,7	74,5	11,8
23.	Thư viện đảm bảo số lượng, chất lượng sách báo, không gian và chỗ ngồi	10,1	12,5	58,5	18,8
24.	Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập	14,7	19,4	57,7	8,1
25.	Phòng học đảm bảo yêu cầu chỗ ngồi, âm thanh, ánh sáng và độ thông thoáng	22,5	18,5	51,9	7,1
26.	Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ thiết thực cho học tập và nghiên cứu.	10,4	19,3	61,8	8,5
27.	Nhà trường có các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ	9,1	21,7	59,8	9,3
28.	Nhà trường có các khóa học nâng cao trình độ công nghệ thông tin	7,3	19,2	63,7	9,7

29.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, chọn lựa và học tập của SV.	5,5	15,1	69,2	10,2
30.	Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, phòng thí nghiệm/thực hành, bàn ghế, các phương tiện nghe nhìn, chỗ gửi xe, vệ sinh,...) đáp ứng nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu.	20,6	21,4	51,7	6,3
<i>Trung bình</i>		<i>10,8</i>	<i>16,7</i>	<i>62,3</i>	<i>10,2</i>
IV. Đánh giá chung về kết quả đào tạo		1	2	3	4
31.	Có lợi thế cạnh tranh trong công việc	5,9	20,8	65,6	7,7
32.	Có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa	5,1	17,3	69,2	8,5
33.	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2,7	12,8	74,1	10,3
34.	Chịu đựng được áp lực cao trong công việc	2,5	15,9	70,9	10,6
35.	Ứng dụng kiến thức vào thực tiễn	2,7	16,3	71,1	9,9
36.	Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn				
a.	- Kỹ năng giao tiếp, truyền đạt	2,6	13,3	74,3	9,7
b.	- Kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề	2,3	13,6	73,6	10,5
c.	- Kỹ năng làm việc nhóm	2,1	7,8	77,3	12,7
d.	- Kỹ năng tổ chức, sắp xếp và quản lý công việc	1,8	10,8	76,3	11,0
37.	Tính chuyên nghiệp	3,5	18,5	68,5	9,6
38.	Sử dụng tốt ngoại ngữ	9,1	28,3	55,7	6,9
39.	Sử dụng tốt tin học	4,1	16,6	70,3	9,0
<i>Trung bình</i>		<i>3,7</i>	<i>16,0</i>	<i>70,6</i>	<i>9,7</i>

STT	Các tiêu chí quan trọng giúp sinh viên kiếm được việc làm	Tỷ lệ % cao nhất
1	Uy tín của trường đại học (...)	19,6
2	Kiến thức xã hội nói chung (...)	22,7
3	Trình độ ngoại ngữ (...)	20
4	Trình độ công nghệ thông tin (...)	21,7
5	Kinh nghiệm làm việc (...)	17,9
6	Năng lực giao tiếp (...)	21,1
7	Khả năng hoạt động trong nhiều lĩnh vực (...)	23,4
8	Có thư giới thiệu (...)	17,1

9	Có ngoại hình (...)	21,9
10	Có cá tính (...)	19,9
11	Có học lực tốt (...)	21,9
12	Sáng tạo (...)	23,8
13	Có tinh thần hợp tác (...)	26
14	Nhiệt tình trong công tác (...)	24,4
15	Sống có lý tưởng, hoài bão (...)	23,2
16	Có tính bền bỉ, quả quyết (...)	23,8
17	Các tiêu chí khác (xin nêu rõ): có tinh thần cầu tiến, đam mê với nghề và ước muốn khẳng định bản thân, ứng biến linh hoạt trong các môi trường làm việc khác nhau...	

IV. Nhận xét chung

1. Về Chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo

Các chương trình đào tạo của ngành/chuyên ngành được sinh viên đánh giá cao, chiếm 80,4% (trong đó 11,7% hoàn toàn đồng ý, 68,7% đồng ý), đáp ứng mục tiêu đào tạo và phù hợp với nhu cầu xã hội. Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Chuẩn đầu ra phù hợp, đảm bảo năng lực làm việc sau khi tốt nghiệp, cũng như tham gia học tập và nghiên cứu khoa học tại các chương trình sau đại học.

2. Về hoạt động dạy học – nghiên cứu khoa học.

Hầu hết các GV được đánh giá có trình độ chuyên môn tốt, có phương pháp giảng dạy khoa học, thực hiện tốt đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm. Các GV rất nhiệt tình hướng dẫn sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn và kiến thức với SV, luôn động viên, thúc đẩy, tạo điều kiện để SV học tập, nghiên cứu và rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết.

Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên còn phân vân và không đồng ý đánh giá GV có phương pháp rõ ràng, dễ hiểu tương đối tương đối cao, chiếm 21% cho thấy tồn tại một số GV cần cải thiện phương pháp giảng dạy để SV dễ tiếp thu hơn.

Ngoài ra, tỷ lệ đánh giá trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập đầy đủ, hiện đại còn thấp, chỉ 60,3% ở mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Do đó, nhà trường và giảng viên cần đầu tư hơn nữa trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy để phù hợp với phương pháp giảng dạy trong thời đại mới.

3. Nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ

Đa số sinh viên đánh giá nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ ở mức tương đối cao, chiếm 72,5% từ mức đồng ý trở lên. Tuy nhiên, còn tồn tại một số hoạt động hỗ trợ học tập được SV đánh giá với tỷ lệ đồng ý trở lên tương đối thấp (<70%) như: (1) Phòng học đảm bảo yêu cầu chỗ ngồi, âm thanh, ánh sáng và độ thông thoáng; (2) Cơ sở vật

chất nhà trường (giảng đường, phòng thí nghiệm/thực hành, bàn ghế, các phương tiện nghe nhìn, chỗ gửi xe, vệ sinh,...) đáp ứng nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu. Vì vậy nhà trường cần xem xét đầu tư, cải thiện phòng học và cơ sở vật chất để đáp ứng tốt nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Ngoài ra, nhà trường cần tăng cường các khóa học tập nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học cho sinh viên hơn nữa để tạo điều kiện cho sinh viên tham gia học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra tại trường.

4. Đánh giá chung về kết quả đào tạo

SV tự đánh giá kết quả đào tạo của nhà trường có thể giúp SV có khả năng tự học, tự nghiên cứu, chịu được áp lực cao và ứng dụng được kỹ năng và kiến thức vào thực tiễn đáp ứng được các công việc khác nhau (80,5% đánh giá ở mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý). Tuy nhiên, ngoại ngữ vẫn là một rào cản lớn của sinh viên Việt Nam và sinh viên tốt nghiệp tại Trường cũng không ngoại lệ, chỉ 62,6% tự đánh giá có khả năng sử dụng tốt ngoại ngữ.

5. Các tiêu chí quan trọng giúp sinh viên ra trường kiếm được việc làm.

Dựa vào tỷ lệ đồng ý gần như tương đương nhau (từ 17,1% - 26%) của sinh viên ở bảng thống kê trên cho thấy sinh viên trước khi tốt nghiệp, để dễ dàng và nhanh chóng tìm được việc làm cần phải trang bị đầy đủ tất cả những kỹ năng, kiến thức, thái độ, ngoại hình, tính cách năng động sáng tạo,... đồng thời có mối quan hệ tốt trong ngành. Ngoài ra, điều cần thiết để phát triển công việc, sinh viên cần có đam mê với nghề, chịu khó, chịu khổ, kiên nhẫn thực hiện sẽ đạt được kết quả tốt.

V. Kết luận:

- Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn các tiêu chí đưa ra được SV đánh giá ở mức “đồng ý” hoặc “phân vân”. Tuy nhiên, cũng còn nhiều ý kiến thể hiện sự không phù hợp của quá trình đào tạo mà các khoa, phòng ban, trung tâm và các đơn vị liên quan cần điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp.

- Để nâng cao chất lượng môn học, khắc phục những hạn chế, phát huy những điểm tích cực mà SV đã có ý kiến, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục đề nghị các đơn vị một số nội dung sau:

+ Các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ, nghiêm túc theo đúng kế hoạch triển khai của Nhà trường.

+ Các Khoa/Bộ môn cần tổ chức họp/hội thảo để rà soát lại CTĐT cho phù hợp, sát với thực tế hơn. Các GV cần nâng cao phương pháp giảng dạy của mình, lắng nghe ý kiến phản hồi của SV để điều chỉnh cho phù hợp.

+ Các Khoa nên có những lớp/buổi định hướng chuyên ngành, nghề nghiệp sớm hơn cho sinh viên với nhiều chia sẻ thực tế, đồng thời phối hợp với Phòng Công tác SV, Phòng KHCN&HTQT, Phòng Đào tạo tổ chức các khóa tập huấn/hội thảo liên kết quốc tế, chương trình trao đổi sinh viên với các đối tác nước ngoài... để SV có cơ hội giao lưu, học hỏi, và nâng cao trình độ ngoại ngữ.

+ Ngoài chương trình đào tạo chung, các Khoa/Bộ môn nên dạy thêm những kỹ năng mềm cho sinh viên: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng khai thác và xử lý thông tin, kỹ năng

tự học, tự nghiên cứu...vì sau khi ra trường bên cạnh kiến thức chuyên môn thì kỹ năng mềm cũng là yếu tố quan trọng để các em tìm được công việc tốt./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu KT&BDCLGD.

phó P. KHẢO THÍ & BDCLGD

Trần Thị Lệ Hoa



